



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 2 tháng 11 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 02 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Ngô Quốc Nam Ông Nguyễn Văn Miêng Ông Nguyễn Xuân Vũ Ông Trần Ngọc Khanh	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Miêng Ông Trần Ngọc Khanh Ông Nguyễn Xuân Vũ Ông Nguyễn Mạnh Hùng Bà Nguyễn Thị Khánh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Điều hành Giám đốc Điều hành (từ ngày 7/4/2016) Giám đốc Điều hành (từ ngày 7/4/2016)
Trụ sở đăng ký	43 Tô Hiệu Phường Ngô Quyền Thành phố Nam Định Tỉnh Nam Định Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 1 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-148-f



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		439.868.132.054	458.168.637.727
Tiền	110	4	8.249.659.402	4.247.728.680
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		121.392.729.421	140.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	121.392.729.421	140.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.495.355.624	200.028.766.993
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	158.560.925.367	159.279.108.894
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.820.956.654	10.048.289.069
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	7.610.000.000	10.340.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	26.261.187.174	23.691.616.501
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.757.713.571)	(3.330.247.471)
Hàng tồn kho	140	10	114.713.560.159	108.817.815.725
Hàng tồn kho	141		116.720.414.739	110.773.295.120
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.006.854.580)	(1.955.479.395)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.016.827.448	4.774.326.329
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		48.282.028	90.683.479
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.444.925.030	3.100.722.175
Thuế phải thu Nhà nước	153	11	523.620.390	1.582.920.675

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		396.507.821.587	339.704.639.539
Tài sản cố định	220		174.318.581.754	148.583.341.368
Tài sản cố định hữu hình	221	12	173.751.581.754	148.583.341.368
Nguyên giá	222		532.378.510.872	549.894.556.204
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(358.626.929.118)	(401.311.214.836)
Tài sản cố định vô hình	227		567.000.000	-
Nguyên giá	228		698.000.000	68.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(131.000.000)	(68.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	13	5.652.683.095	5.897.997.955
Nguyên giá	231		9.660.565.377	9.520.439.013
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.007.882.282)	(3.622.441.058)
Tài sản dở dang dài hạn	240		121.671.392.258	97.178.992.655
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	121.671.392.258	97.178.992.655
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	84.905.516.870	83.569.016.870
Đầu tư vào công ty con	251		57.776.239.633	56.439.739.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		25.352.674.793	25.352.674.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.776.602.444	1.776.602.444
Tài sản dài hạn khác	260		9.959.647.610	4.475.290.691
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	9.959.647.610	4.475.290.691
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		836.375.953.641	797.873.277.266

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		668.348.201.767	638.060.417.246
Nợ ngắn hạn	310		433.311.511.245	443.255.171.951
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	101.850.087.209	72.693.260.425
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		226.077.871	1.224.250.768
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	728.280.542	45.317.239
Phải trả người lao động	314		9.354.839.157	6.942.164.605
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.484.276.689	4.501.575.530
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	5.785.672.004	6.620.254.064
Vay ngắn hạn	320	19(a)	312.511.845.523	349.605.602.319
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	1.370.432.250	1.622.747.001
Nợ dài hạn	330		235.036.690.522	194.805.245.295
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.289.700.869	4.425.884.869
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	75.001.549.556	54.596.578.298
Vay dài hạn	338	19(b)	155.745.440.097	135.782.782.128
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		168.027.751.874	159.812.860.020
Vốn chủ sở hữu	410	21	168.027.751.874	159.812.860.020
Vốn cổ phần	411	22	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.193.875.041	10.193.875.041
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.833.876.833	13.618.984.979
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		6.138.035.730	1.946.956.117
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.695.841.103	11.672.028.862
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		836.375.953.641	797.873.277.266

Ngày 1 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	644.330.390.984	572.547.276.126
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	52.663.610	222.249.842
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	644.277.727.374	572.325.026.284
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	614.892.625.217	540.719.173.068
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		29.385.102.157	31.605.853.216
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	23.198.416.184	23.160.963.786
Chi phí tài chính	22	28	28.524.117.934	29.781.470.922
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.547.486.285	20.003.727.099
Chi phí bán hàng	25	29	6.291.300.886	7.590.983.177
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	16.863.874.358	5.718.363.317
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		904.225.163	11.675.999.586
Thu nhập khác	31	31	21.419.729.747	2.225.142.235
Chi phí khác	32	32	3.915.017.284	156.585.641
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		17.504.712.463	2.068.556.594
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.408.937.626	13.744.556.180
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	2.713.096.523	2.072.527.318
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		15.695.841.103	11.672.028.862

Ngày 1 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	18.408.937.626	13.744.556.180
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	17.743.191.773	13.771.329.087
Các khoản dự phòng	03	478.841.285	(6.321.143.408)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	953.453.843	2.308.761.690
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.619.848.702)	(10.768.273.012)
Chi phí lãi vay	06	23.547.486.285	20.003.727.099
Các khoản điều chỉnh khác	07	(14.798.802.578)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	32.713.259.532	32.738.957.636
Biến động các khoản phải thu	09	15.260.717.812	(6.508.489.836)
Biến động hàng tồn kho	10	(5.947.119.619)	33.962.070.471
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	25.932.986.094	(50.841.459.623)
Biến động chi phí trả trước	12	(4.525.131.547)	(1.442.785.880)
		63.434.712.272	7.908.292.768
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.933.364.550)	(20.034.890.608)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.000.000.000)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	38.266.554.469	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(933.264.000)	(755.284.549)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	78.834.638.191	(12.881.882.389)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(83.864.323.744)	(56.544.760.321)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	2.721.359.863
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(25.920.000.000)	(33.988.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	47.557.270.579	26.926.038.538
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(3.898.110.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.344.955.124	13.969.384.239
Tiền tăng do sáp nhập công ty con		-	363.759.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.882.098.041)	(50.450.328.169)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	665.448.848.406	546.897.825.111
Tiền trả nợ gốc vay	34	(683.558.711.277)	(488.480.251.909)
Tiền trả cổ tức	36	(6.904.387.000)	(7.648.226.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.014.249.871)	50.769.346.702
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.938.290.279	(12.562.863.856)
Tiền đầu năm	60	4.247.728.680	16.810.592.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	63.640.443	-
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.249.659.402	4.247.728.680

Ngày 1 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2016: 7 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 1.199 nhân viên (1/1/2016: 1.585 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản/bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	50 năm
-----------	--------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	280.154.711	767.023.059
Tiền gửi ngân hàng	7.969.504.691	3.480.705.621
	8.249.659.402	4.247.728.680

5. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	121.392.729.421	121.392.729.421	140.300.000.000	140.300.000.000

(*) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất 4,8% (2015: 4,8%) một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016				1/1/2016					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	-	2.876.479.633	52,52%	52,52%	2.876.479.633	-	-
• Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định	87,78%	87,78%	10.533.260.000	-	10.533.260.000	87,78%	87,78%	10.533.260.000	-	-
• Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	86,34%	86,34%	4.317.000.000	-	4.317.000.000	86,34%	86,34%	4.317.000.000	-	-
• Công ty CP May IV Dệt May Nam Định (i)	53,46%	53,46%	4.009.500.000	-	4.009.500.000	53,46%	53,46%	2.673.000.000	-	-
• Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định	90,88%	90,88%	27.264.000.000	-	27.264.000.000	90,88%	90,88%	27.264.000.000	-	-
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định	78,65%	78,65%	4.326.000.000	-	4.326.000.000	78,65%	78,65%	4.326.000.000	-	-
• Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	89,00%	89,00%	4.450.000.000	-	4.450.000.000	89,00%	89,00%	4.450.000.000	-	-
			57.776.239.633	-	57.776.239.633			56.439.739.633	-	-
▪ Công liên kết										
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	41,82%	41,82%	2.352.674.793	-	2.352.674.793	41,82%	41,82%	2.352.674.793	-	-
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	-	23.000.000.000	36,92%	36,92%	23.000.000.000	-	-
			25.352.674.793	-	25.352.674.793			25.352.674.793	-	-
▪ Đơn vị khác										
• Công ty CP Bông Miền Bắc			428.047.444	-	428.047.444			428.047.444	-	-
• Ngân hàng TMCP Công thương			1.348.555.000	-	1.348.555.000			1.348.555.000	-	-
			1.776.602.444	-	1.776.602.444			1.776.602.444	-	-
			84.905.516.870	-	(*)			83.569.016.870	-	(*)

(i) Trong năm, Công ty CP May IV Dệt May Nam Định đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tổng Công ty đã mua thêm vốn cổ phần để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu tại công ty này là 53,46%.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	109.872.599.911	110.670.736.018
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	718.549.543	3.475.186.620
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	5.687.785.490	14.051.809.425
Công ty CP Sợi Thanh Châu	2.442.738.338	3.261.326.585
Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định	230.704.849	114.191.372
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	3.483.587.965	-
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	372.415.597	-
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	35.752.543.674	27.705.858.874
	158.560.925.367	159.279.108.894

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản cho vay cấp cho công ty con	7.610.000.000	10.340.000.000

Các khoản cho vay cấp cho công ty con không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức	5.328.766.000	4.624.001.000
Phải thu tiền lãi cho vay	147.055.842	143.953.197
Phải thu từ chuyển nhượng tài sản cho công ty con	-	3.930.000.000
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (*)	18.451.713.675	7.752.012.896
Phải thu khác	2.333.651.657	7.241.649.408
	26.261.187.174	23.691.616.501

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Các khoản chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2016		1/1/2016		Số ngày quá hạn	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND						
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt Textile International N.V	Trên 2 năm Trên 3 năm	3.573.951.865 323.176.038	(2.501.766.306) (323.176.038)	1.072.185.559 -	Từ 1 đến 2 năm Trên 3 năm	3.673.951.865 318.704.241	(1.836.975.933) (318.704.241)	3.673.951.865 318.704.241	(1.836.975.933) (318.704.241)	1.836.975.932 -
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Trên 2 năm	118.515.062	(82.960.543)	35.554.519	Từ 1 đến 2 năm	218.515.062	(109.257.531)	218.515.062	(109.257.531)	109.257.531
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại Dịch vụ Xuân Hồng	-	-	-	-	Từ 1 đến 2 năm	145.535.654	(72.767.827)	145.535.654	(72.767.827)	72.767.827
Công ty TNHH Dệt May và Thương mại Duy Trang	Từ 1 đến 2 năm	-	-	-	Từ 1 đến 2 năm	105.067.911	(52.533.956)	105.067.911	(52.533.956)	52.533.955
Khác	Trên 3 năm	53.865.361	(37.705.753)	16.159.608	Từ 1 đến 2 năm	203.733.779	(101.866.890)	203.733.779	(101.866.890)	101.866.889
Khác	Trên 3 năm	812.104.931	(812.104.931)	-	Trên 2 năm	103.101.456	(72.171.019)	103.101.456	(72.171.019)	30.930.437
Khác	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	765.970.074	(765.970.074)	765.970.074	(765.970.074)	-
		4.881.613.257	(3.757.713.571)	1.123.899.686		5.534.580.042	(3.330.247.471)	5.534.580.042	(3.330.247.471)	2.204.332.571

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(3.757.713.571)

(3.330.247.471)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	20.792.839.143	-	8.219.309.353	-
Nguyên vật liệu	29.968.802.183	-	39.892.214.360	-
Công cụ và dụng cụ	205.649.648	-	160.475.461	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.062.877.457	-	9.822.737.580	-
Thành phẩm	36.874.127.259	(2.006.854.580)	42.335.243.853	(1.955.479.395)
Hàng hóa	14.554.238.314	-	9.080.406.809	-
Hàng gửi đi bán	5.261.880.735	-	1.262.907.704	-
	116.720.414.739	(2.006.854.580)	110.773.295.120	(1.955.479.395)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 5.004 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2016: 5.678 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

11. Thuế phải thu/phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	(500.000.000)	40.468.596.282	(40.468.596.282)	(500.000.000)
Thuế nhập khẩu	-	484.424.585	(484.424.585)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.059.300.285)	2.713.096.523	(1.000.000.000)	653.796.238
Thuế thu nhập cá nhân	14.319.678	262.874.606	(239.976.516)	37.217.768
Thuế tài nguyên	10.221.965	157.336.877	(153.938.353)	13.620.489
Tiền thuê đất	-	2.788.110.497	(2.788.110.497)	-
Thuế môn bài	(23.620.390)	12.000.000	(12.000.000)	(23.620.390)
Các loại thuế khác	20.775.596	88.497.480	(85.627.029)	23.646.047
	(1.537.603.436)	46.974.936.850	(45.232.673.262)	204.660.152
<i>Trong đó</i>				
Thuế phải thu Nhà nước	(1.582.920.675)			(523.620.390)
Thuế phải nộp Nhà nước	45.317.239			728.280.542

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	96.834.131.431	1.401.817.047	437.968.811.562	13.689.796.164	549.894.556.204
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.789.588.460	-	35.465.179.066	870.319.091	46.125.086.617
Thanh lý	(8.192.823.087)	-	(37.875.281.041)	(81.181.540)	(46.149.285.668)
Phân loại lại	238.247.961	-	(238.247.961)	-	-
Giảm khác (*)	(8.335.726.462)	-	(9.156.119.819)	-	(17.491.846.281)
Số dư cuối năm	90.333.418.303	1.401.817.047	426.164.341.807	14.478.933.715	532.378.510.872
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	56.550.126.067	1.151.684.120	339.517.709.330	4.091.695.319	401.311.214.836
Khấu hao trong năm	2.436.050.154	54.409.343	14.006.682.369	797.608.683	17.294.750.549
Thanh lý	(8.164.770.794)	-	(35.514.415.141)	(81.181.540)	(43.760.367.475)
Phân loại lại	238.247.961	-	(238.247.961)	-	-
Giảm khác (*)	(7.062.548.973)	-	(9.156.119.819)	-	(16.218.668.792)
Số dư cuối năm	43.997.104.415	1.206.093.463	308.615.608.778	4.808.122.462	358.626.929.118
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	40.284.005.364	250.132.927	98.451.102.232	9.598.100.845	148.583.341.368
Số dư cuối năm	46.336.313.888	195.723.584	117.548.733.029	9.670.811.253	173.751.581.754

(*) Phân ánh nguyên giá và khấu hao lũy kế của tài sản cố định đã được xóa sổ và đang chờ hỗ trợ di dời.

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 243.833 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 274.651 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 120.716 triệu VND (1/1/2016: 70.462 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	9.520.439.013
Tăng trong năm	140.126.364
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.660.565.377
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.622.441.058
Khấu hao trong năm	385.441.224
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.007.882.282
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.897.997.955
Số dư cuối năm	5.652.683.095
	<hr/> <hr/>

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	97.178.992.655	89.073.586.897
Tăng trong năm	83.724.197.380	54.720.503.929
Tăng do sáp nhập Công ty CP May III	-	332.928.273
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(46.125.086.617)	(45.071.106.359)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(630.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(916.823.921)	(694.603.311)
Chi phí đi đòi được hỗ trợ (*)	(11.559.887.239)	-
Biến động khác	-	(1.182.316.774)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	121.671.392.258	97.178.992.655

(*) Căn cứ vào Công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính Tỉnh Nam Định về việc xác định các chi phí liên quan phục vụ đi đòi Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá, các chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ Tổng Công ty (Thuyết minh 8).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Xây dựng nhà máy nhuộm và nhà máy động lực	69.725.226.915	72.719.896.834
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hoà Xá	18.329.264.068	18.325.569.336
Xây dựng nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc	6.689.758.596	-
Các công trình khác	26.927.142.679	6.133.526.485
	<hr/>	<hr/>
	121.671.392.258	97.178.992.655

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 2.644 triệu VND (2015: 4.296 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	4.475.290.691
Tăng trong năm	11.140.861.296
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	916.823.921
Phân bổ trong năm	(6.573.328.298)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.959.647.610
	<hr/> <hr/>

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	2.613.384.449	2.138.465.321
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	-	2.505.522.000
Các bên liên quan khác	770.451.000	3.401.201.250
Bên thứ ba		
Ecom Agroindustrial Asia Pte Ltd.	16.238.295.931	17.311.359.685
BTG Pactual Commodities (Singapore) Pte. Ltd.	-	9.300.043.896
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	12.137.784.358	3.861.714.457
Các nhà cung cấp khác	70.090.171.471	34.174.953.816
	<hr/>	<hr/>
	101.850.087.209	72.693.260.425
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	445.814.566	479.316.094
Phí giải phóng mặt bằng	-	3.000.000.000
Chi phí khác	1.038.462.123	1.022.259.436
	1.484.276.689	4.501.575.530

18. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.795.631.640	1.089.089.898
Cổ tức phải trả	778.657.000	883.044.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.211.383.364	4.648.120.166
	5.785.672.004	6.620.254.064

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (*)	74.882.125.734	54.477.154.476
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	75.001.549.556	54.596.578.298

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016		
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	313.442.170.319	313.442.170.319	638.783.888.307	(644.652.929.097)	691.125.063	308.264.254.592	308.264.254.592
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	36.163.432.000	36.163.432.000	4.247.590.931	(36.163.432.000)	-	4.247.590.931	4.247.590.931
	349.605.602.319	349.605.602.319	643.031.479.238	(680.816.361.097)	691.125.063	312.511.845.523	312.511.845.523

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay ngân hàng 1	VND	6%	35.110.890.905	65.738.585.181
Vay ngân hàng 2	USD	2,5% - 5%	71.863.913.022	30.586.069.088
Vay ngân hàng 3	VND	7,5%	44.138.370.661	27.878.754.352
Vay ngân hàng 4	USD	2,7%	16.713.468.018	-
Vay ngân hàng 5	USD	-	-	19.500.071.223
Vay ngân hàng 6	VND	7%	17.206.024.691	11.909.464.511
Vay ngân hàng 7	VND	7,4%	24.632.520.150	17.493.257.996
Vay ngân hàng 8	VND	-	-	11.237.427.956
Vay ngân hàng 9	USD	2,5%	22.785.328.050	19.598.252.208
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	VND	5% - 6%	64.999.388.608	94.999.388.608
Vay cá nhân	VND	5,16% - 6%	10.814.350.487	14.500.899.196
			308.264.254.592	313.442.170.319

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi số là 37.370 triệu VND (1/1/2016: 40.364 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Số dư đầu năm	135.782.782.128	142.465.739.444
Tăng trong năm	26.664.960.099	15.816.170.468
Vay dài hạn đến hạn trả được gia hạn	-	14.000.000.000
Tiền vay hoàn trả trong năm	(2.742.350.180)	(419.669.503)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	287.638.981	83.973.719
Số dư cuối năm	159.993.031.028	171.946.214.128
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(4.247.590.931)	(36.163.432.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	155.745.440.097	135.782.782.128

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay từ ngân hàng 1	VND	0%	2016	-	4.200.000.000
Vay từ ngân hàng 2	VND	0%	2016	-	10.320.000.000
Vay từ ngân hàng 3	VND	0%	2016	-	1.943.432.000
Vay từ ngân hàng 4	VND	6%	2023	121.092.729.421	140.000.000.000
Vay từ ngân hàng 5	USD	4,80%	2022	16.902.688.927	14.186.678.684
Vay từ ngân hàng 6	USD	6,50%	2022	784.887.600	1.293.796.000
Vay từ ngân hàng 7	USD	4,50%	2024	849.596.400	-
Vay từ ngân hàng 8	USD	4%	2022	603.843.840	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	USD	LIBOR +0,7%	2036	19.759.284.840	-
Khoản vay khác	VND	-	2016	-	2.307.444
				159.993.031.028	171.946.214.128

(*) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 55.090 triệu VND.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 28.256 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 30.098 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	136.000.000.000	14.441.191.761	9.817.682.059	160.258.873.820
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.672.028.862	11.672.028.862
Phân bổ lại các quỹ	-	(4.247.316.720)	4.247.316.720	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(834.502.976)	(834.502.976)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(7.480.000.000)	(7.480.000.000)
Biến động khác	-	-	(3.803.539.686)	(3.803.539.686)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	136.000.000.000	10.193.875.041	13.618.984.979	159.812.860.020
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	15.695.841.103	15.695.841.103
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(680.949.249)	(680.949.249)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	136.000.000.000	10.193.875.041	21.833.876.833	168.027.751.874

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

23. Cổ tức

Ngày 26 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 6.800 triệu VND cho các cổ đông (2015: 7.480 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng hai đến năm năm	5.308.703.500	-
Sau năm năm	63.875.690.500	-
	69.184.394.000	-

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	123.038	2.795.363.848	6.431	144.391.200
EUR	339	8.080.273	-	-
		2.803.444.121		144.391.200

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	445.224.554.000	128.032.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	539.807.872.800	485.734.245.099
▪ Cung cấp dịch vụ	40.916.588.790	44.299.663.986
▪ Dịch vụ gia công	61.359.267.574	40.758.326.352
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	2.246.661.820	1.755.040.689
	<hr/> 644.330.390.984	<hr/> 572.547.276.126
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(52.663.610)	(92.415.094)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(129.834.748)
	<hr/> (52.663.610)	<hr/> (222.249.842)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 644.277.727.374	<hr/> <hr/> 572.325.026.284

26. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Thành phẩm đã bán	522.527.805.456	472.014.839.437
Dịch vụ đã cung ứng	30.095.804.940	36.645.169.764
Dịch vụ gia công	61.167.388.293	36.271.246.948
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.050.251.343	1.274.953.745
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	51.375.185	(5.487.036.826)
	<hr/> 614.892.625.217	<hr/> 540.719.173.068

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	7.932.676.769	9.261.039.313
Lãi do người mua chậm trả	6.488.594.601	6.004.681.661
Cổ tức được chia	5.403.766.000	4.883.764.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.372.327.792	1.729.877.164
Lãi từ sáp nhập công ty con	-	784.433.215
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.051.022	497.168.433
	<hr/> 23.198.416.184	<hr/> 23.160.963.786

28. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	23.547.486.285	20.003.727.099
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(1.112.660.472)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.976.631.649	5.965.209.899
Lỗ từ sáp nhập công ty con	-	4.835.010.232
Chi phí tài chính khác	-	90.184.164
	<hr/> 28.524.117.934	<hr/> 29.781.470.922

29. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí vận chuyển	1.589.688.405	1.495.398.181
Chi phí đại lý bán hàng	951.966.628	1.837.030.256
Chi phí xuất khẩu	2.860.753.887	3.415.524.952
Chi phí bán hàng khác	888.891.966	843.029.788
	<hr/> 6.291.300.886	<hr/> 7.590.983.177

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lương nhân viên	8.991.896.560	4.327.626.782
Hoàn nhập trích lập lương nhân viên	-	(2.114.000.000)
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	427.466.100	326.188.640
Chi phí phân bổ trả trước	803.935.997	157.583.737
Chi phí khấu hao	576.010.743	205.335.304
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.064.564.958	2.815.628.854
	<hr/> 16.863.874.358	<hr/> 5.718.363.317

31. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Tiền đền bù tài sản trên đất di dời (*)	17.861.583.211	-
Tiền lãi từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình	283.405.933	1.856.363.490
Tiền bồi thường nhận được	429.371.507	28.536.026
Các khoản thu nhập khác	2.845.369.096	340.242.719
	<hr/> 21.419.729.747	<hr/> 2.225.142.235

(*) Theo biên bản làm việc số 03-2016/BB/DMNĐ-VNDC ngày 3 tháng 10 năm 2016 giữa Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định và Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, hai bên đã thống nhất giá trị đền bù tài sản trên đất di dời Giai đoạn 1 của Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (Thuyết minh 18(b)) là 17.862 triệu VND.

32. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Giá trị còn lại của tài sản trên đất di dời được đền bù (Thuyết minh 31)	3.062.780.633	-
Chi phí khác	852.236.651	156.585.641
	<hr/> 3.915.017.284	<hr/> 156.585.641

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	384.836.918.872	379.890.236.219
Chi phí nhân công	91.643.358.230	64.824.075.698
Chi phí khấu hao	17.743.191.773	13.771.329.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.623.895.482	105.575.848.887
Chi phí khác	15.037.390.270	11.405.857.656

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	2.713.096.523	2.072.527.318

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.408.937.626	13.744.556.180
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	3.681.787.525	3.023.802.360
Chi phí không được khấu trừ thuế	112.062.198	123.153.038
Thu nhập không bị tính thuế	(1.080.753.200)	(1.074.428.080)
	2.713.096.523	2.072.527.318

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% từ năm 2016 trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	328.325.140	155.770.803
Mua hàng hoá	-	3.324.342.000
Vay	23.907.270.533	45.000.000.000
Hoàn trả khoản vay	34.147.985.693	44.902.855.487
Chi phí lãi vay	4.342.816.146	1.835.981.588
Công ty con		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định		
Cổ tức	283.620.000	283.620.000
Bán hàng hóa	83.694.802	187.485.313
Mua hàng hóa	4.567.259.359	4.960.381.647
Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định		
Cổ tức	1.053.326.000	1.053.326.000
Bán hàng hóa	9.108.413.986	13.447.164.201
Mua hàng hóa	347.293.000	328.660.500
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Cổ tức	431.700.000	654.300.000
Bán hàng hóa	48.685.441.605	20.148.331.987
Mua hàng hóa	24.109.609.300	126.472.852
Khoản cho vay	2.900.000.000	-
Nhận hoàn trả khoản vay	2.900.000.000	-
Thu nhập lãi vay	15.271.047	-
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định		
Đầu tư vào công ty con	1.336.500.000	-
Cổ tức	721.710.000	546.600.000
Khoản cho vay	10.400.000.000	11.400.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	14.100.000.000	11.541.038.538
Thu nhập lãi vay	220.602.680	258.509.954
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định		
Cổ tức	1.908.480.000	1.368.825.000
Bán hàng hóa	202.506.084.186	111.422.341.552
Mua hàng hóa	128.781.706.452	40.982.741.057
Công ty CP Sợi Thanh Châu		
Cổ tức	222.500.000	-
Bán hàng hóa	16.804.157.838	36.201.660.836
Mua hàng hóa	19.636.961.064	39.482.438.726

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Công ty CP May V Dệt May Nam Định		
Cổ tức	346.080.000	355.980.000
Mua hàng hóa	219.352.035	60.665.368
Khoản cho vay	12.620.000.000	11.440.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	11.650.000.000	8.000.000.000
Thu nhập lãi vay	538.857.647	119.793.136
Bán hàng hóa	1.624.120.845	-
Bán máy móc thiết bị	2.527.549.627	-
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Bán hàng hóa	-	3.453.760.500
Mua hàng hóa	-	3.527.340.615
Chi phí lãi vay	-	410.247.797
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	-	287.986.258
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	38.266.554.469	-
Công ty CP Bông Miền Bắc		
Cổ tức	75.000.000	172.963.000
Công ty CP May I Dệt May Nam Định		
Cổ tức	361.350.000	361.350.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	1.058.695.761	635.609.609

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Bù trừ khoản phải thu với khoản tăng đầu tư vào công ty con	1.336.500.000	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	2.672.324.126	-
Giá trị còn lại của tài sản chờ hỗ trợ di dời	1.273.177.489	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chờ hỗ trợ di dời	11.559.887.239	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 đã được phân loại lại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2016 VND (phân loại lại)	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	4.425.884.869
Phải trả ngắn hạn khác	6.620.254.064	61.097.408.540
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	4.425.884.869	-
Phải trả dài hạn khác	54.596.578.298	119.423.822

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2015 VND (phân loại lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(12.881.882.389)	(25.948.525.512)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(50.450.328.169)	(37.383.685.046)

Ngày 1 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc